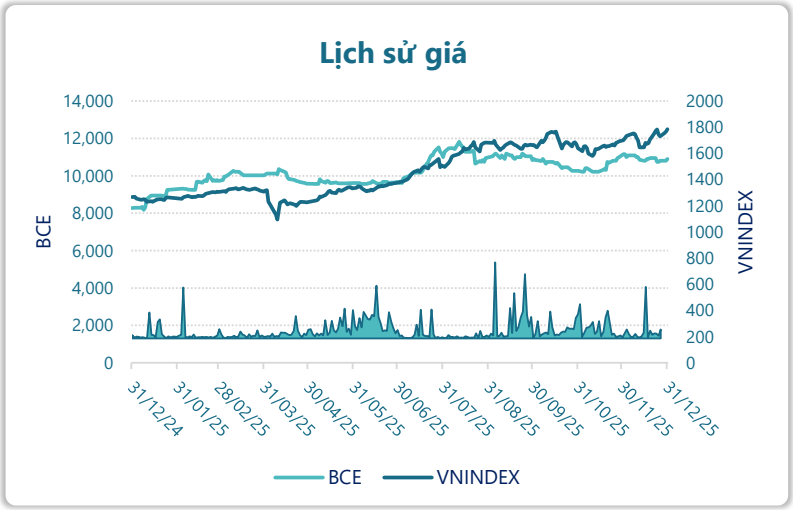
FireAnt

CTCP Xây dựng và Giao thông Bình Dương (HSX: BCE)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,819
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,181
SL cổ phiếu LH	35,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	76,440
% sở hữu nước ngoài	3.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	382
P/E	3.8
EPS	2,874

DT thuần

Q4/25

562

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 372| 196%

YoY: ▲ 346| 160%

LN sau thuế

Q4/25

97.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 93.9| 3040%

YoY: ▲ 18.9| 24.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

14.7%

+/- YoY: ▼ 13.6%

DT thuần

2025

880

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 587| 200%

LN sau thuế

2025

101

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 26.4| 34.9%

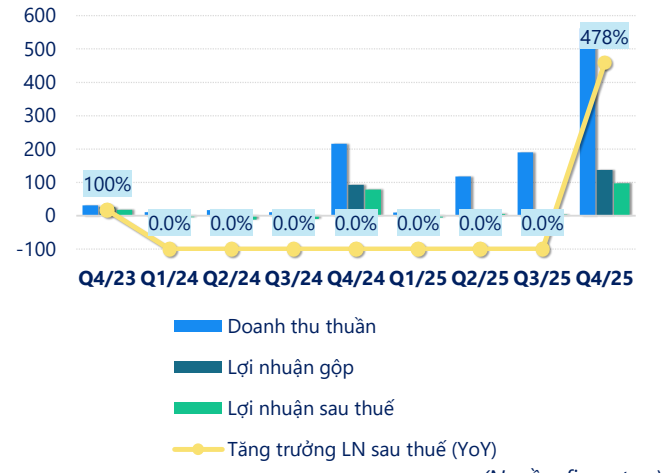
ROE

2025

23.3%

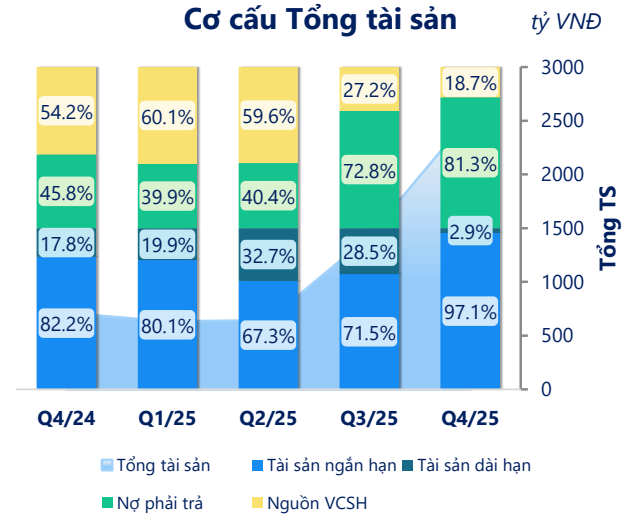
+/- YoY: ▲ 2.6%

Kết quả kinh doanh



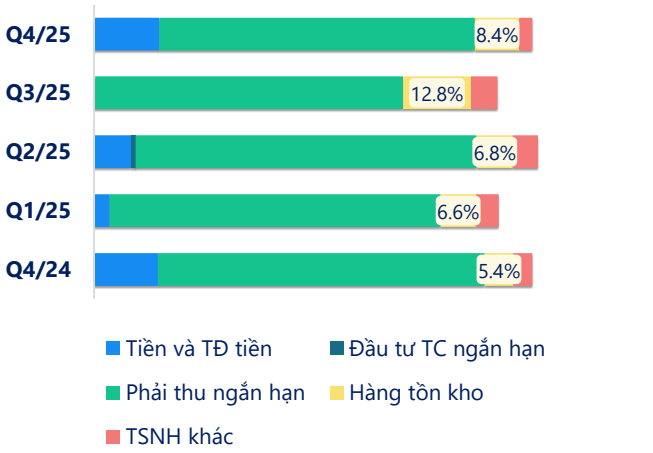
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



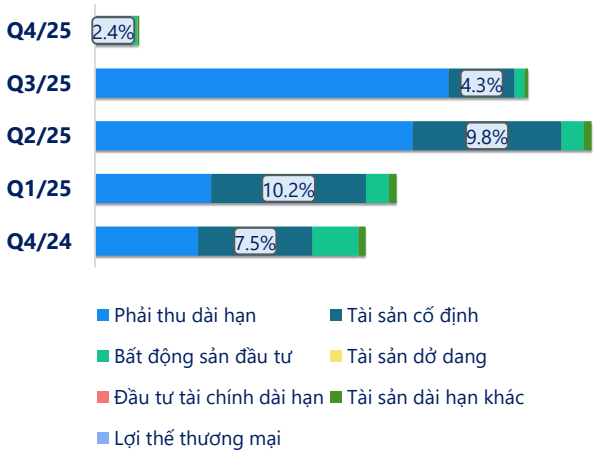
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



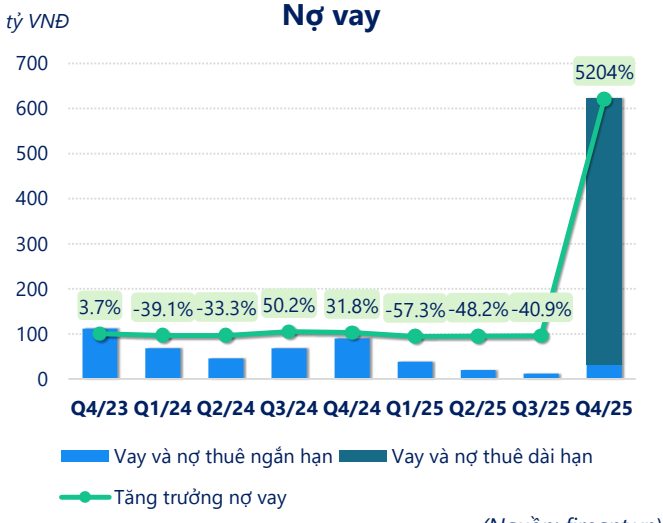
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



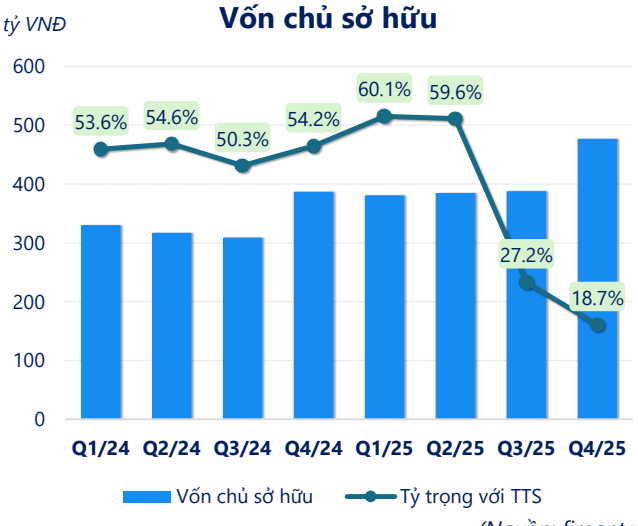
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



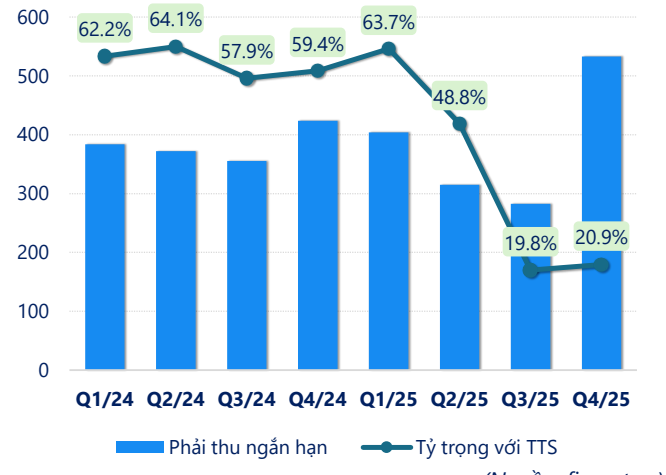
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



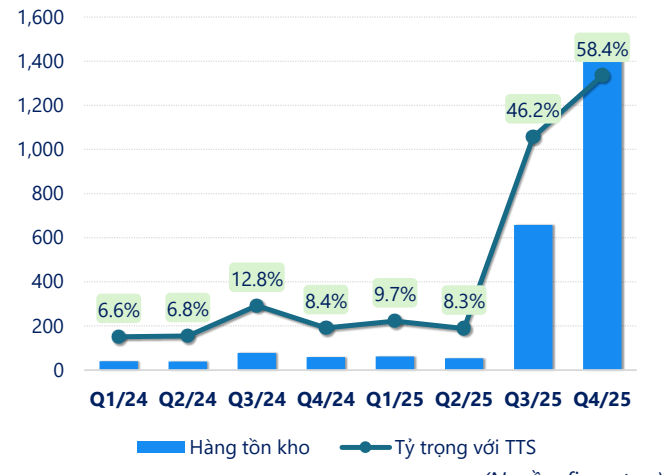
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



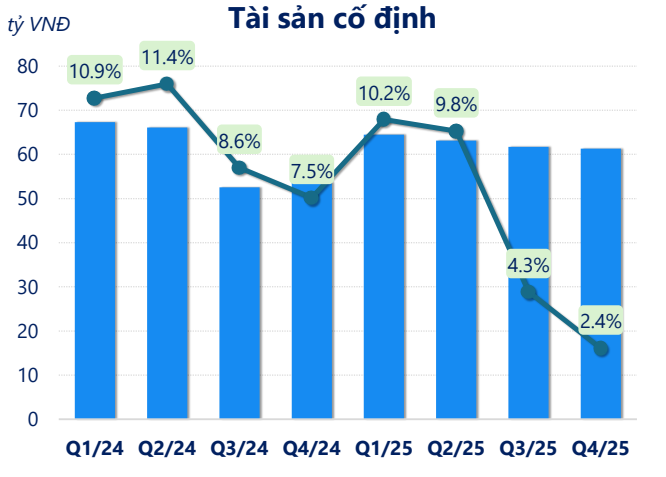
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



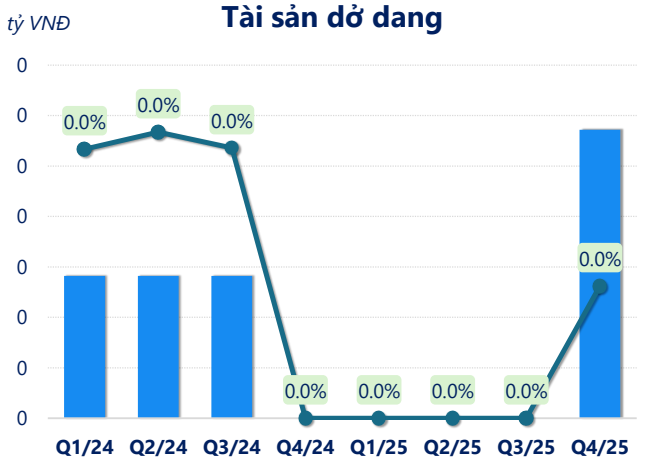
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



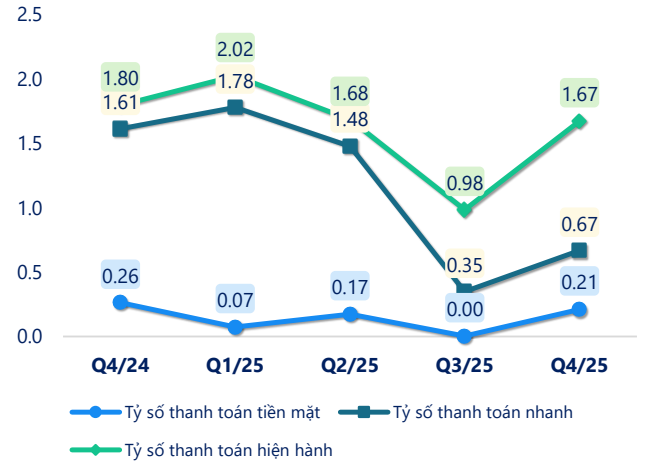
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



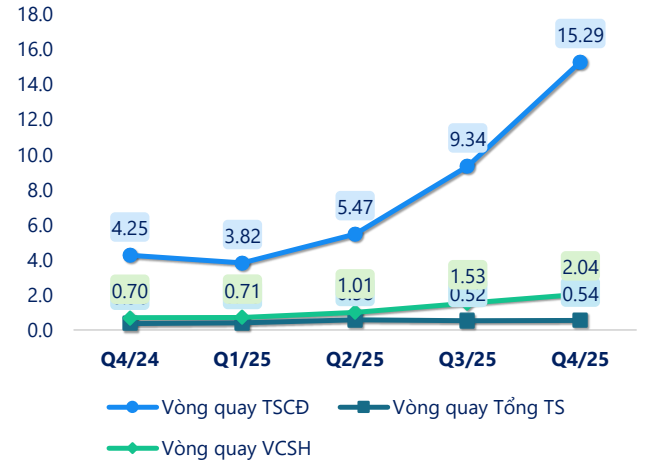
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**714**	**633**	**645**	**1,426**	**2,545**
Tài sản ngắn hạn	**587**	**508**	**434**	**1,019**	**2,471**
Tiền và tương đương tiền	85.8	18.7	44.9	3.51	312
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	5.00	5.00	0	0
Phải thu ngắn hạn	424	404	315	283	533
Hàng tồn kho	59.6	61.4	53.3	658	1,486
Tài sản ngắn hạn khác	17.5	18.9	16.1	74.5	140
Tài sản dài hạn	**127**	**126**	**211**	**406**	**74.3**
Phải thu dài hạn	48.5	48.5	135	332	0.02
Tài sản cố định	53.7	64.5	63.1	61.7	61.3
Bất động sản đầu tư	21.7	9.51	9.51	9.51	9.51
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0.29
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.26	3.26	3.25	3.20	3.16
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**327**	**253**	**260**	**1,038**	**2,069**
Nợ ngắn hạn	**327**	**251**	**258**	**1,036**	**1,478**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	89.7	38.3	19.8	11.7	31.9
Phải trả người bán ngắn hạn	121	103	123	913	1,070
Nợ dài hạn	0	1.78	2.28	2.28	591
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	591
Nguồn vốn chủ sở hữu	**387**	**381**	**385**	**388**	**477**
Vốn chủ sở hữu	**387**	**381**	**385**	**388**	**477**
Vốn điều lệ	350	350	350	350	350
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)